

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2020.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Bình.

Ông Nguyễn Văn Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Tiến S, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Lê Thị T, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S cưới nhau vào năm 2015, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước được 01 năm. Sau khi cưới chị và anh S cùng chung sống bên gia đình anh S, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát

sinh mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh S không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, mỗi lần anh S uống rượu là lâu chuyện cũ rồi vợ chồng cự cãi. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh S không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Tiến S.

2. Về việc nuôi con: Chị và anh S chung sống với nhau có một con chung, là con gái tên Lê Bảo T, sinh ngày 21/11/2016. Hiện con chung Bảo T đang sinh sống cùng chị, từ khi chị sinh ra cho đến nay, anh S cũng có đến thăm nom con và đem con về nhà nội chơi nhưng không có gửi tiền hay mua quà gì cho con chung Bảo T. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Bảo T và tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Lý do, con chung Bảo T lấy họ mẹ là do anh S không lo làm ăn, vợ chồng lúc đó cũng đã không còn sống chung, chị có ý định ly hôn.

3. Về tài sản chung: Chị và anh S chung sống với nhau không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Hồ Tiến S đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh S vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020 người làm chứng bà Nguyễn Thị H, trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Hồ Tiến S, mẹ chồng chị Lê Thị T. Bà không có mâu thuẫn gì với chị T, anh S. Vợ chồng anh S cưới nhau khi nào thì bà không nhớ nhưng có đăng ký kết hôn. Hiện anh S, chị T có mâu thuẫn không còn sống chung khoảng hơn 01 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn thì bà không rõ. Gia đình cha mẹ hai bên có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn tình cảm cho vợ chồng anh S nhưng không được. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh S thì tùy chị T quyết định, bà nghe anh S nói cũng thống nhất ly hôn với chị T và ngày 14/5/2020 anh S sẽ đến Tòa án hòa giải ly hôn. Còn về con chung Lê Bảo T, sinh ngày 21/11/2016 thì đang sống cùng chị T, anh S thống nhất giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh S thì không có. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Hồ Tiến S, vì anh S không

lo làm ăn, thường xuyên uống rượu nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và không còn sống chung cho đến nay, cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt, không có lý do chứng tỏ anh S không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Về việc nuôi con: Con chung Bảo T còn nhỏ và là con gái, từ khi chị T, anh S không còn sống chung thì chị T nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Lê Bảo T, sinh ngày 21/11/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Hồ Tiến S và anh S hiện cư trú tại ấp L, xã B, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Hồ Tiến S và người làm chứng bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh S, bà H vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, bà H đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S, bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Hồ Tiến S được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 22/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Tiến S. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống chị T cho rằng chị và anh S chung sống không hạnh phúc, vì anh S không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu nên chị và anh S không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay và cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử đã động viên chị T hàn gắn tình cảm với anh S nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh S vẫn không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án hòa giải với chị T để vợ chồng hàn

gắn tình cảm. Đồng thời, người làm chứng bà Nguyễn Thị H cũng là mẹ ruột của anh S trình bày thì vợ chồng anh S không sống chung với nhau hơn 01 năm và anh S cũng thống nhất ly hôn. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh S không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Hồ Tiến S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Lê Bảo T, sinh ngày 21/11/2016 hiện đang sinh sống ổn định cùng chị T, được đảm bảo về mọi mặt. Bà H cũng trình bày là anh S thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung Bảo T cho chị T được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hồ Tiến S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh S theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001131 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T. Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Hồ Tiến S.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Lê Bảo T, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Lê Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Hồ Tiến S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001131 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 6 năm 2020) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung